

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP
VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30/06/2020



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	,
Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020	8 – 9
Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc	10 – 32

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính riêng đính kèm đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Võ Đình Quốc Huy	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hữu Phước	Thành viên
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Đặng Thanh Hồng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thanh An	Thành viên
Ông Nguyễn Phan Trọng Toàn	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Hữu Phước	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Thúy Hằng	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Minh Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28/04/2020)
Ông Thái Văn Thum	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01/04/2020)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng hằng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính riêng được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính riêng.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Hữu Phước

Tổng giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2020

Số: 21.132/BCSX-RSMHCM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng Quản trị
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2020, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

(Xem tiếp trang sau)

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



KT TỔNG GIÁM ĐỐC

Đặng Thị Hồng Loan
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:
0425-2018-026-1

Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2020

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc, báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		631.091.379.150	623.825.179.148
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		8.784.640.386	11.606.492.681
1. Tiền	111	4.1	8.784.640.386	11.606.492.681
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		444.000.000.000	447.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.2	444.000.000.000	447.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		86.746.899.983	92.451.096.274
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.3	27.428.657.876	45.058.913.863
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.4	41.782.718.673	36.749.812.673
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.5	19.292.553.277	12.847.118.894
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(1.757.029.843)	(2.204.749.156)
IV. Hàng tồn kho	140	4.6	79.732.696.160	68.271.908.728
1. Hàng tồn kho	141		80.177.369.181	68.865.278.631
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(444.673.021)	(593.369.903)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.827.142.621	4.495.681.465
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.11	11.814.900.446	4.473.702.750
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.14	12.242.175	21.978.715
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		372.811.866.101	375.757.420.299
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		5.168.911.659	3.915.876.682
1. Phải thu dài hạn khác	216	4.5	5.168.911.659	3.915.876.682
II. Tài sản cố định	220		131.586.119.284	136.154.795.019
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.8	107.903.672.045	112.170.385.238
Nguyên giá	222		310.379.110.136	304.184.915.591
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(202.475.438.091)	(192.014.530.353)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	4.10	21.223.829.395	21.502.916.511
Nguyên giá	225		25.959.244.055	25.959.244.055
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(4.735.414.660)	(4.456.327.544)
3. Tài sản cố định vô hình	227	4.9	2.458.617.844	2.481.493.270
Nguyên giá	228		4.986.604.330	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.527.986.486)	(2.505.111.060)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		136.023.658.907	134.355.731.543
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.7	136.023.658.907	134.355.731.543
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	4.2	20.664.838.971	23.664.838.971
1. Đầu tư vào công ty con	251		11.664.838.971	11.664.838.971
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.192.413.670	1.192.413.670
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(1.192.413.670)	(1.192.413.670)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		9.000.000.000	12.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		79.368.337.280	77.666.178.084
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.11	79.368.337.280	77.666.178.084
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.003.903.245.251	999.582.599.447

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		456.915.690.340	486.503.837.426
I. Nợ ngắn hạn	310		336.401.040.253	359.780.776.623
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.12	7.934.871.765	34.856.274.738
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.13	20.070.101.127	10.625.855.116
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.14	33.508.764.426	30.208.180.201
4. Phải trả người lao động	314	4.15	34.526.202.387	75.952.845.918
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.16	3.178.133.783	4.509.501.926
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	4.18	2.423.748.216	5.248.651.125
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.17	8.115.707.529	4.907.628.356
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.19	205.105.711.846	165.625.593.891
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		2.595.376.761	3.273.410.989
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		18.942.422.413	24.572.834.363
II. Nợ dài hạn	330		120.514.650.087	126.723.060.803
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	4.18	92.151.330.441	93.359.741.157
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.19	28.363.319.646	33.363.319.646
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		546.987.554.911	513.078.762.021
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.20	546.987.554.911	513.078.762.021
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		386.000.000.000	386.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		386.000.000.000	386.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(46.460.000)	(46.460.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		78.038.856.145	70.008.974.751
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		82.995.158.766	57.116.247.270
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		57.116.247.270	54.095.874.641
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		25.878.911.496	3.020.372.629
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.003.903.245.251	999.582.599.447



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.21	214.172.191.197	268.387.447.851
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		734.545	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		214.171.456.652	268.387.447.851
4. Giá vốn hàng bán	11	4.22	151.944.483.038	188.762.948.923
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62.226.973.614	79.624.498.928
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.23	18.036.610.096	16.173.861.084
7. Chi phí tài chính	22	4.24	6.784.252.011	4.515.587.349
Trong đó, chi phí lãi vay	23		6.784.252.011	4.515.587.349
8. Chi phí bán hàng	25	4.25	11.464.343.951	11.272.875.695
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	4.26	14.216.607.938	17.103.706.181
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		47.798.379.810	62.906.190.787
11. Thu nhập khác	31	4.27	2.422.406.598	1.992.270.252
12. Chi phí khác	32		27.361.189	141.330.774
13. Lợi nhuận khác	40		2.395.045.409	1.850.939.478
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		50.193.425.219	64.757.130.265
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	4.29	10.044.157.282	12.917.004.227
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		40.149.267.937	51.840.126.038



Nguyễn Hữu Phước
Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		50.193.425.219	64.757.130.265
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.28	10.762.870.280	10.520.666.087
Trích/(Hoàn lại) các khoản dự phòng	03		(1.274.450.423)	270.547.518
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(18.036.610.096)	(15.886.966.035)
Chi phí lãi vay	06	4.24	6.784.252.011	4.515.587.349
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		48.429.486.991	64.176.965.184
Giảm các khoản phải thu	09		11.278.695.695	10.218.865.771
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(11.312.090.550)	3.649.431.456
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(56.240.723.103)	(43.157.714.717)
Tăng chi phí trả trước	12		(9.043.356.892)	(3.449.675.174)
Tiền lãi vay đã trả	14		(6.784.252.011)	(4.515.587.349)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.14	(11.559.516.502)	(10.088.354.825)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		17.880.000	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.882.766.997)	(1.963.130.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(47.096.643.369)	14.870.800.346
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.862.121.909)	(20.991.474.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	1.516.494.716
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(158.000.000.000)	(139.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		164.000.000.000	131.389.513.889
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.656.795.028	10.490.048.492
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.794.673.119	(16.595.417.812)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.30	528.947.501.188	269.513.937.341
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	4.31	(494.467.383.233)	(230.700.000.000)
3. Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(36.664.727.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		34.480.117.955	2.149.209.841
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(2.821.852.295)	424.592.375
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.606.492.681	13.644.192.150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM (70 = 50+60+61)	70	4.1	8.784.640.386	14.068.784.525



Nguyễn Hữu Phước

Tổng Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thành Trung

Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An

Người lập

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101396 ngày 09 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp". Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty cổ phần từ ngày 11 tháng 11 năm 2016 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1400101396 thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 01 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 386.000.000.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 444 (31 tháng 12 năm 2019 là: 445).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

- Kinh doanh xây lắp và khai thác cát;
- Sản xuất công nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ;
- Thi công xây dựng công trình giao thông và công trình dân dụng;
- Đầu tư và kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư và kinh doanh khu công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác cát sông - Thi công san lấp mặt bằng;
- Sản xuất và kinh doanh các loại VLXD: Bê tông tươi - Bê tông ly tâm - Bê tông nhựa nóng;
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng KCN và kinh doanh nhà đất;
- Xây dựng công trình giao thông, công nghiệp, dân dụng, nhà ở và trang trí nội thất;
- Khảo sát, thiết kế các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và dịch vụ tư vấn xây dựng;
- Sản xuất phụ tùng cơ khí và sửa chữa phương tiện thủy, bộ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, thủy nội địa;
- Thử nghiệm cơ khí VLXD, kiểm định chất lượng xây dựng, an toàn chịu lực công trình.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký Chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các chính sách kế toán áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2020 thống nhất với các chính sách kế toán đã áp dụng để lập báo cáo tài chính riêng năm 2019.

4. CÁC SỰ KIỆN HOẶC GIAO DỊCH TRỌNG YẾU TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	2.085.701.955	10.997.421.438
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.698.938.431	609.071.243
Cộng	8.784.640.386	11.606.492.681

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.2. Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 12 - 14 tháng với lãi suất trung bình từ 6,5%/năm đến 8,2%/ năm, được chi tiết như sau:

Số thứ tự	Ngân hàng	Số tiền tại ngày 30/06/2020	Thời hạn gốc (tháng)	Cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay
1	Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Đồng Tháp	16.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 16.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19.
2	Ngân hàng TMCP Công Thương - Chi nhánh Sa Đéc	16.000.000.000	12	
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	86.000.000.000	12 - 13	Được đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo các hợp đồng vay với số tiền 86.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - PGD Lý Thường Kiệt	16.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 16.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19
5	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc	41.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc theo các hợp đồng vay với số tiền 41.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19
6	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Huyện Thanh Bình	2.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 2.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19
7	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - Chi nhánh Đồng Tháp	4.000.000.000	12	
8	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - Huyện Cao Lãnh	34.000.000.000	12	
9	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - Huyện Thanh Bình	37.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp với số tiền 37.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19
10	Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT - Huyện Tân Hồng	13.000.000.000	12	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Số thứ tự	Ngân hàng	Số tiền tại ngày 30/06/2020	Thời hạn gốc (tháng)	Cầm cố, thế chấp đảm bảo cho khoản vay
11	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	14.000.000.000	12	
12	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Đồng Tháp	5.000.000.000	12	
13	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	17.000.000.000	12	Đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín Đồng Tháp theo thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/LD173630573 ngày 19 tháng 09 năm 2019 với số tiền 14.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19
14	Ngân hàng TMCP Xăng Dầu	12.000.000.000	12	
15	Ngân hàng An Bình - Chi nhánh Đồng Tháp	9.000.000.000	12	
16	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	19.000.000.000	12	Được dùng để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp theo hợp đồng theo hạn mức số 11/2020/VCB.ĐT - CRC ngày 27 tháng 05 năm 2020 với số tiền 19.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.19
17	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Đồng Tháp	14.000.000.000	12	
18	Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Tháp	20.000.000.000	13	
19	Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	16.000.000.000	12 - 13	
20	Ngân hàng TMCP Kiên Long - Chi nhánh Đồng Tháp	21.000.000.000	12 - 13	
21	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp	15.000.000.000	12 - 14	
22	Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đồng Tháp	17.000.000.000	12	
23	Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Đồng Tháp	9.000.000.000	13	

Tổng cộng

453.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
				VND
Đầu tư vào công ty con:				
Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp	11.100.017.122	-	11.100.017.122	-
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp	564.821.849	-	564.821.849	-
Cộng	11.664.838.971	-	11.664.838.971	-

Đầu tư vào đơn vị khác:

Công ty Cổ phần Docimexco	1.192.413.670	(1.192.413.670)	1.192.413.670	(1.192.413.670)
---------------------------	---------------	-----------------	---------------	-----------------

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Vận tải BMC Đồng Tháp, Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp và Công ty Cổ phần Docimexco để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải thu khách hàng là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	476.396.030	487.795.935
Phải thu từ khách hàng:		
Ban QLDA và PTQĐ Thị xã Hồng Ngự	13.416.996.000	24.691.659.000
Các khách hàng khác	13.535.265.846	19.879.458.928
Cộng	27.428.657.876	45.058.913.863

Các khách hàng khác có số dư mỗi khách hàng nhỏ hơn 10% tổng số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng vào ngày 30/06/2020.

4.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trả trước cho bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	2.300.000.000	5.000.000.000
Trả trước cho người bán:		
Trung tâm phát triển quỹ nhà đất Tỉnh Đồng Tháp	26.513.835.000	26.513.835.000
Các nhà cung cấp khác	12.968.883.673	5.235.977.673
Cộng	41.782.718.673	36.749.812.673

4.5. Phải thu khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Lãi dự thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	15.995.217.808	-	9.615.402.740	-
Phải thu khác là các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Tạm ứng	1.270.169.930	-	1.137.099.615	-
Phải thu ngắn hạn khác	27.165.539	-	94.616.539	-
Cộng	19.292.553.277	-	12.847.118.894	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký cược, ký quỹ	5.168.911.659	-	3.915.876.682	-

4.6. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	10.570.716.630	(368.442.032)	10.033.080.714	(513.734.775)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	19.945.796.789	-	8.213.541.354	-
Thành phẩm	2.934.994.197	(76.230.989)	2.761.642.467	(79.635.128)
Hàng hóa	46.725.861.565	-	47.857.014.096	-
Cộng	80.177.369.181	(444.673.021)	68.865.278.631	(593.369.903)

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ là 444.673.021 VND đã được lập dự phòng.

4.7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Cụm Công nghiệp Trường Xuân	71.217.815.935	71.217.815.935
Cụm Công nghiệp Tân Lập Châu Thành	63.168.875.608	62.888.875.608
Cụm Công nghiệp Tân Kiều Tháp Mười	1.187.079.341	7.397.273
Hạ tầng kỹ thuật KCN Trần Quốc Toản	241.642.727	241.642.727
Khác	208.245.296	-
Cộng	136.023.658.907	134.355.731.543

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2020	32.457.240.029	223.651.500.348	41.847.268.805	682.622.997	5.546.283.412	304.184.915.591
Mua trong kỳ	-	5.200.081.818	994.112.727	-	-	6.194.194.545
Tại ngày 30/06/2020	32.457.240.029	228.851.582.166	42.841.381.532	682.622.997	5.546.283.412	310.379.110.136
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Tại ngày 01/01/2020	14.812.227.330	150.003.598.845	25.949.194.819	590.326.799	659.182.560	192.014.530.353
Khấu hao trong kỳ	731.231.298	7.857.594.138	1.580.329.926	22.348.956	269.403.420	10.460.907.738
Tại ngày 30/06/2020	15.543.458.628	157.861.192.983	27.529.524.745	612.675.755	928.585.980	202.475.438.091
Giá trị còn lại:						
Tại ngày 01/01/2020	17.645.012.699	73.647.901.503	15.898.073.986	92.296.198	4.887.100.852	112.170.385.238
Tại ngày 30/06/2020	16.913.781.401	70.990.389.183	15.311.856.787	69.947.242	4.617.697.432	107.903.672.045

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 336.363.636 VND.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2020	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Tại ngày 30/06/2020	2.397.616.725	76.000.000	2.512.987.605	4.986.604.330
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2020	-	76.000.000	2.429.111.060	2.505.111.060
Khấu hao trong kỳ	-	-	22.875.426	22.875.426
Tại ngày 30/06/2020	-	76.000.000	2.451.986.486	2.527.986.486
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2020	2.397.616.725	-	83.876.545	2.481.493.270
Tại ngày 30/06/2020	2.397.616.725	-	61.001.119	2.458.617.844

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 391.123.314 VND.

4.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Là hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toàn được Công ty thuê lại từ Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp với giá thuê theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.11. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Cấp phép khai thác khoáng sản	10.024.271.254	4.386.204.750
Chi phí thuê mặt bằng, sà lan	1.059.999.997	87.498.000
Chi phí công cụ dụng cụ	658.091.786	-
Chi phí khác	72.537.409	-
Cộng	11.814.900.446	4.473.702.750
Dài hạn:		
Tiền thuê đất KCN Trần Quốc Toản	77.748.337.278	76.242.134.334
Tiền thuê mặt bằng Cửa hàng Cao Lãnh	1.620.000.002	696.000.000
Tiền cấp phép khai thác khoáng sản	-	728.043.750
Cộng	79.368.337.280	77.666.178.084

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	1.434.078.764	1.434.078.764	2.240.348.881	2.240.348.881
Phải trả cho người bán:				
Công ty TNHH Hữu Tâm - Đồng Tháp	1.858.241.150	1.858.241.150	4.279.155.150	4.279.155.150
Phải trả cho các đối tượng khác	4.642.551.851	4.642.551.851	28.336.770.707	28.336.770.707
Cộng	7.934.871.765	7.934.871.765	34.856.274.738	34.856.274.738

Phải trả cho các đối tượng khác có số dư phải trả mỗi đối tượng nhỏ hơn 10% tổng số dư phải trả người bán ngắn hạn tại ngày 30/06/2020.

4.13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
Ông Bùi Hữu Hiền	4.555.812.000	-	-	-
Ban QLDA ĐT XD CTGT Đồng Tháp	3.130.278.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV San Lấp Đồng Tháp 689	2.134.285.340	1.691.692.225	1.691.692.225	1.691.692.225
Công ty TNHH MTV Sông Thoại - An Giang	1.509.094.765	1.241.853.107	1.241.853.107	1.241.853.107
Các khách hàng khác	8.740.631.022	7.692.309.784	7.692.309.784	7.692.309.784
Cộng	20.070.101.127	10.625.855.116	10.625.855.116	10.625.855.116

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.14. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	1.650.515.017	14.098.769.418	15.206.084.940	-	2.757.830.539
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.242.175	6.125.343.011	10.044.157.282	11.559.516.502	21.978.715	7.650.438.771
Thuế thu nhập cá nhân	-	63.543.155	2.365.515.447	4.362.494.642	-	2.060.522.350
Thuế tài nguyên	-	5.841.975.000	31.423.422.054	34.458.021.000	-	8.876.573.946
Phí môi trường	-	2.372.079.233	12.811.660.035	15.596.645.400	-	5.157.064.598
Tiền thuế đất	-	-	2.777.117.527	2.777.117.527	-	-
Tiền cấp quyền khai thác	-	17.455.309.010	17.455.309.010	3.705.749.997	-	3.705.749.997
Thuế môn bài	-	-	15.000.000	15.000.000	-	-
Cộng	12.242.175	33.508.764.426	90.990.950.773	87.680.630.008	21.978.715	30.208.180.201

4.15. Phải trả người lao động

Là khoản tiền lương còn phải trả cho người lao động.

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Trích trước tiền thuê mặt nước đối với hoạt động khai thác cát	1.742.590.083	1.742.590.083
Trích trước chi phí cấp quyền khai thác cát	1.217.421.303	1.217.421.303
Trích trước thuế tài nguyên môi trường	-	1.256.977.150
Khác	218.122.397	292.513.390
Cộng	3.178.133.783	4.509.501.926

4.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Phải trả ngắn hạn khác từ bên liên quan	-	9.415.000
Nhận ký quỹ, ký cược	5.485.625.569	4.782.317.410
Kinh phí công đoàn	37.737.145	37.737.145
Phải trả, phải nộp khác	2.592.344.815	78.158.801
Cộng	8.115.707.529	4.907.628.356

4.18. Doanh thu chưa thực hiện

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ngắn hạn:		
Thu trước tiền cho thuê đất khu công nghiệp	2.423.748.216	2.423.748.216
Khác	-	2.824.902.909
Cộng	2.423.748.216	5.248.651.125

Dài hạn:

Thu trước tiền cho thuê đất KCN Trần Quốc Toản	92.151.330.441	93.359.741.157
--	----------------	----------------

Doanh thu chưa thực hiện dài hạn là khoản tiền khách hàng trả trước 01 lần tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất tại khu công nghiệp Trần Quốc Toản trong vòng 50 năm, kết thúc thời hạn thuê tại ngày 13 tháng 02 năm 2058.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.19. Vay và nợ thuê tài chính

Các khoản vay được chi tiết như sau:

	Tại ngày 30/06/2020		Trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn:	104.956.730.744	104.956.730.744	318.947.501.188	322.967.383.233	108.976.612.789	108.976.612.789
	34.000.000.000	34.000.000.000	144.500.000.000	143.000.000.000	32.500.000.000	32.500.000.000
	34.000.000.000	34.000.000.000	44.000.000.000	23.500.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000
	11.000.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-	-
	10.500.000.000	10.500.000.000	10.500.000.000	-	-	-
	10.648.981.102	10.648.981.102	-	-	10.648.981.102	10.648.981.102
	205.105.711.846	205.105.711.846	528.947.501.188	489.467.383.233	165.625.593.891	165.625.593.891
Cộng						

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày 30/06/2020
VND

Tại ngày 01/01/2020
VND

Trong kỳ
VND

Dãi hạn:	Số có khả năng trả nợ		Giảm		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Tăng		Giá trị	
Quý Đầu tư Phát Triển	15.000.000.000	-	5.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Tỉnh Đồng Tháp	24.012.300.748	-	-	24.012.300.748	24.012.300.748
Nợ thuế tài chính	(10.648.981.102)	-	-	(10.648.981.102)	(10.648.981.102)
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả					
Cộng	28.363.319.646	-	5.000.000.000	33.363.319.646	33.363.319.646

Các khoản vay ngắn hạn được chi tiết như sau:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc là khoản vay theo các hợp đồng thấu chi có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất từ 5,5%/năm đến 7%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sa Đéc có giá trị là 41.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.2.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp là khoản vay theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 11/2020/VCB.ĐT - CRC ngày 27 tháng 05 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 27 tháng 05 năm 2020 đến ngày 27 tháng 05 năm 2021 với lãi suất 6,8%/năm và hạn mức là 35.000.000.000 VND; có kỳ hạn 12 tháng. Khoản vay được thế chấp bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp có giá trị là 19.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.2.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Cao Lãnh - tỉnh Đồng Tháp là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 6504-LAV-2019 ngày 26 tháng 07 năm 2019 có hiệu lực từ ngày 26 tháng 07 năm 2019 đến ngày 26 tháng 07 năm 2020 với lãi suất vay bằng lãi suất tiền gửi cộng 0,2%/năm và hạn mức là 34.000.000.000 VND; có kỳ hạn 12 tháng. Khoản vay không cần tài sản thế chấp.
- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp là khoản vay theo các hợp đồng thấu chi và tín dụng có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 6 - 7%/năm và tổng hạn mức là 200.000.000.000 VND. Khoản vay được thế chấp bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Huyện Thanh Bình, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Đồng Tháp PDG Thanh Bình và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp PGD Lý Thường Kiệt với giá trị lần lượt là 86.000.000.000 VND, 16.000.000.000 VND, 37.000.000.000 VND, 2.000.000.000 VND và 16.000.000.000 VND - Xem thêm mục 4.2.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp là khoản vay theo Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 08/LD173630573 ngày 19/9/2019 kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 7,5%/năm và tổng hạn mức là 23.500.000.000 VND. Khoản vay được thế chấp bằng các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp với giá trị là 14.000.000.000 VND – Xem thêm mục 4.2.

Các khoản vay dài hạn được chi tiết như sau:

- Vay dài hạn Quỹ Đầu tư Phát Triển Tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng tín dụng số 01/2017/HĐUV-QPTĐ ngày 02 tháng 06 năm 2017 có thời gian hoàn vốn trong vòng 55 tháng kể từ ứng vốn lần đầu vào ngày 02 tháng 06 năm 2017, với số tiền vay là 40.000.000.000 VND, lãi suất 0%; nhằm thực hiện đầu tư san lấp mặt bằng khu 2 thuộc cụm Công nghiệp Dịch vụ Thương mại Trường Xuân theo Công văn số 157/UBND-ĐTĐD ngày 09 tháng 05 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- Khoản nợ thuế tài chính của Công ty là khoản thuế hạ tầng khu công nghiệp Trần Quốc Toàn giữa Công ty và Sở tài chính tỉnh Đồng Tháp theo Hợp đồng số 02/HĐ ngày 11 tháng 08 năm 2010, với tổng giá trị thuế hạ tầng là 12.457.518.514 đồng trong 46 năm, bắt đầu từ năm 2010 kết thúc năm 2056. Tổng giá trị thuế hạ tầng sẽ được điều chỉnh khi các công trình đầu tư xây dựng hoàn thành và được Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán vốn đầu tư. Theo Công văn số 131/UBND-KTTH ngày 10 tháng 03 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Tháp, Công ty và Sở Tài chính tỉnh Đồng Tháp ký thêm phụ lục hợp đồng cho Hợp đồng thuế số 02/HĐ, điều chỉnh giá thuế theo tổng giá trị vốn ngân sách đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Trần Quốc Toàn là 25.959.244.055 VND trong 40 năm, tính từ thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2017.

Các khoản nợ thuế tài chính được chi tiết như sau:

Tại ngày 30/06/2020

VND

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	648.981.102	-	648.981.102	648.981.102	-	648.981.102
Trên 1 năm đến 5 năm	2.595.924.408	-	2.595.924.408	2.595.924.408	-	2.595.924.408
Trên 5 năm	20.767.395.238	-	20.767.395.238	20.767.395.238	-	20.767.395.238
Cộng	24.012.300.748	-	24.012.300.748	24.012.300.748	-	24.012.300.748

Tại ngày 01/01/2020

VND

Thời hạn:	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính	Lãi thuế	Nợ gốc
Từ 1 năm trở xuống	648.981.102	-	648.981.102	648.981.102	-	648.981.102
Trên 1 năm đến 5 năm	2.595.924.408	-	2.595.924.408	2.595.924.408	-	2.595.924.408
Trên 5 năm	20.767.395.238	-	20.767.395.238	20.767.395.238	-	20.767.395.238
Cộng	24.012.300.748	-	24.012.300.748	24.012.300.748	-	24.012.300.748

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG THÁP

Địa chỉ: Số 03 Đường Tôn Đức Thắng, Phường 01, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.20. Vốn chủ sở hữu

4.20.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ VND	
Tại ngày 01/01/2019	386.000.000.000	(46.460.000)	49.972.807.893	54.095.874.641	490.022.222.534
Lãi trong năm trước	-	-	-	100.090.074.583	100.090.074.583
Chia cổ tức	-	-	-	(60.054.442.400)	(60.054.442.400)
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	20.036.166.858	(20.036.166.858)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(15.591.551.187)	(15.591.551.187)
Giảm khác	-	-	-	(1.387.541.509)	(1.387.541.509)
Tại ngày 01/01/2020	386.000.000.000	(46.460.000)	70.008.974.751	57.116.247.270	513.078.762.021
Lãi trong 6 tháng đầu năm 2020	-	-	-	40.149.267.937	40.149.267.937
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	8.029.881.394	(8.029.881.394)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(6.277.411.047)	(6.277.411.047)
Tăng khác	-	-	-	36.936.000	36.936.000
Tại ngày 30/06/2020	386.000.000.000	(46.460.000)	78.038.856.145	82.995.158.766	546.987.554.911

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.20.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
UBND tỉnh Đồng Tháp	356.999.000.000	356.999.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	29.001.000.000	29.001.000.000
Cộng	386.000.000.000	386.000.000.000

Theo Quyết định số 997/QĐ-UBND-HC ngày 25/09/2015 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Đồng Tháp, Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp được chuyển đổi thành công ty cổ phần.

Tại ngày 10 tháng 11 năm 2016, Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp đã nhận vốn và tài sản từ Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một thành viên Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp theo Biên Bản Bàn Giao "Vốn và Tài sản từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty Cổ phần Xây Lắp và Vật Liệu Xây Dựng Đồng Tháp".

4.20.3. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	38.600.000	38.600.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(4.600)	(4.600)
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	38.595.400	38.595.400

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần

4.20.4. Các quỹ của doanh nghiệp

	Quỹ đầu tư phát triển VND
Tại ngày 01/01/2020	70.008.974.751
Trích trong kỳ	8.029.881.394
Tại ngày 30/06/2020	78.038.856.145

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu cát khai thác	159.234.966.224	192.130.324.250
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	43.708.419.884	33.321.689.401
Doanh thu công trình XD CB	5.803.601.818	18.290.831.819
Doanh thu hàng hóa BĐS	1.023.636.364	20.186.884.363
Doanh thu thử nghiệm, dịch vụ khác	4.231.912.362	4.453.899.836
Doanh thu khác	169.654.545	3.818.182
Cộng	214.172.191.197	268.387.447.851
Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan – Xem thêm mục 4.32	2.149.173.400	1.769.924.480

4.22. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn cát khai thác	110.135.977.955	132.410.487.417
Giá vốn bán hàng hóa, thành phẩm	32.748.629.458	23.438.929.862
Giá vốn công trình XD CB	5.951.991.545	17.550.697.485
Giá vốn hàng hóa BĐS	740.993.159	10.612.621.786
Giá vốn thử nghiệm, dịch vụ khác	2.366.890.921	4.750.212.373
Cộng	151.944.483.038	188.762.948.923

4.23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	18.035.116.876	15.448.387.390
Lãi tiền gửi thanh toán	1.493.220	1.732.239
Lãi phạt chậm thanh toán	-	395.036.767
Cổ tức được chia	-	238.693.000
Lãi tiền ký quỹ Bảo vệ môi trường	-	90.011.688
Cộng	18.036.610.096	16.173.861.084

4.24. Chi phí tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	6.784.252.011	4.515.587.349

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.25. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên	3.501.418.362	2.265.161.631
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.884.218.543	3.032.331.180
Chi phí vật liệu, bao bì	2.327.468.939	2.467.149.742
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.276.672.804	1.894.238.566
Chi phí bằng tiền khác	1.474.565.303	1.613.994.576
Cộng	11.464.343.951	11.272.875.695

4.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	6.051.661.838	7.547.688.005
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.601.085.223	1.867.838.348
Chi phí dịch vụ mua ngoài	553.335.022	954.071.984
Thuế, phí và lệ phí	346.892.255	273.807.016
Chi phí vật liệu quản lý	72.320.227	125.995.316
Chi phí đồ dùng văn phòng	169.618.591	142.664.545
Hoàn nhập chi phí dự phòng	(447.719.313)	-
Chi phí bằng tiền khác	5.869.414.095	6.191.640.967
Cộng	14.216.607.938	17.103.706.181

4.27. Thu nhập khác

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Kiểm kê phát hiện thừa	1.727.832.259	1.507.009.789
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	667.534.228	-
Thu tiền điện thoại vượt	16.146.272	14.310.253
Lãi từ thanh lý TSCĐ	-	198.153.406
Cho thuê hội trường	-	12.545.455
Khác	10.893.839	260.251.349
Cộng	2.422.406.598	1.992.270.252

(Xem tiếp trang sau)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

4.28. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân công	54.848.851.995	66.908.807.626
Chi phí nguyên vật liệu	34.749.326.487	31.395.581.615
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.004.015.207	25.760.568.379
Chi phí khấu hao	10.762.870.280	10.520.666.087
Chi phí khác	52.822.352.145	61.801.584.503
Cộng	178.187.416.114	196.387.208.210

4.29. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong kỳ	50.193.425.219	64.757.130.265
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	27.361.189	66.583.871
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	-	(238.693.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	50.220.786.408	64.585.021.136
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ	10.044.157.282	12.917.004.227

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế TNDN.

4.30. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	528.947.501.188	269.513.937.341

4.31. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(494.467.383.233)	(230.700.000.000)

4.32. Thông tin về các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|--|--------------------------|
| 1. Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 2. Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp | Công ty con |
| 3. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc | Nhân sự quản lý chủ chốt |

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng – Xem thêm mục 4.3	476.396.030	487.795.935
Trả trước cho người bán – Xem thêm mục 4.4	2.300.000.000	5.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn – Xem thêm mục 4.12	(1.434.078.764)	(2.061.463.881)

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp:		
Phải thu khác – Xem thêm mục 4.5	2.000.000.000	2.000.000.000

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CP Vận tải BMC Đồng Tháp		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ - Xem thêm mục 4.21	2.149.173.400	1.769.924.480
Mua hàng và dịch vụ cung cấp	9.102.457.951	10.516.787.813

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Công ty CP Tư vấn thiết kế xây dựng BMC Đồng Tháp		
Mua hàng và dịch vụ cung cấp	213.636.366	181.818.184

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong kỳ như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thù lao và thu nhập	6.738.492.455	5.636.046.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**4.33. Thu nhập Ban kiểm soát**

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	987.398.425	1.287.832.000

4.34. Cam kết theo các hợp đồng thuê hoạt động

Công ty thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có kỳ hạn trung bình là 30 năm, với tiền thuê cố định mỗi kỳ:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Chi phí thuê hoạt động ghi nhận trong kỳ	2.251.933.677	2.345.884.344

Tại ngày 30/06/2020, Công ty có các khoản cam kết phải trả đến hạn theo các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

	<u>Tại ngày 30/06/2020 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2020 VND</u>
Từ 1 năm trở xuống	139.970.207	139.970.207
Trên 1 năm đến 5 năm	699.851.033	699.851.033
Trên 5 năm	4.502.374.976	4.572.360.079
Cộng	5.342.196.216	5.412.181.318

4.35. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hiện nền kinh tế đang có những sự kiện không chắc chắn có liên quan đến COVID-19 là dịch bệnh đã phát sinh từ đầu năm 2020. Do tình hình vẫn đang diễn biến nên ảnh hưởng đầy đủ của dịch bệnh vẫn chưa xác định được. Tuy nhiên, khả năng xảy ra mức độ ảnh hưởng tiêu cực của COVID-19 đến doanh thu và kết quả kinh doanh của Công ty trong năm tài chính tới là tùy thuộc vào thời gian diễn biến của dịch bệnh.



Nguyễn Hữu Phước
Tổng giám đốc

Đồng Tháp, ngày 11 tháng 08 năm 2020

Nguyễn Thành Trung
Kế toán trưởng

Nguyễn Phúc An
Người lập